

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 417/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa:

1/ *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Tuyết M, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: 260, đường L, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: 260, đường L, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 417/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phan Thị Tuyết M và ông Nguyễn Hữu T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Con chung: Có 02 con Nguyễn Thị Thu N sinh ngày 27-7-1997 đã trưởng thành. Giao cho bà Phan Thị Tuyết M trực tiếp nuôi Nguyễn Quốc T1 sinh ngày 10-6-2004. Ông Nguyễn Hữu T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng. Thực hiện từ tháng 8/2020 đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi lao động được.

Ông Nguyễn Hữu T có quyền đến trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Có, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí HNGĐ:

Bà Phan Thị Tuyết M tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, bà Tuyết M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0001678 ngày 29-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Hoàn lại cho bà Tuyết M 150.000 đồng.

Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục Thi hành án DS TP M;
- Các đương sự;
- UBND phường S, TP M
- Tiền Giang - Kết hôn năm 1990
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa